

ĐỀ THI HỌC KÌ I – Đề số 3**Môn: Địa Lí - Lớp 10****Bộ sách: Cánh diều****BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM****Mục tiêu**

- Ôn tập các kiến thức cuối học kì 1 của chương trình sách giáo khoa Địa Lí.
- Vận dụng linh hoạt lý thuyết đã học trong việc giải quyết các câu hỏi trắc nghiệm môn Địa Lí.
- Tổng hợp kiến thức dạng hệ thống, dàn trải các kiến thức cuối học kì 1 – chương trình Địa Lí 10.

Phần trắc nghiệm: Chọn câu trả lời đúng trong mỗi câu sau:**Câu 1:** Cho bảng số liệu:**SẢN LƯỢNG THỦY SẢN CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2010 - 2019***(Đơn vị: Nghìn tấn)*

Năm	2010	2013	2016	2019
Sản lượng	5142,7	6019,7	6870,7	8269,2

Hãy cho biết nhận xét nào sau đây đúng về sản lượng thủy sản của nước ta giai đoạn 2010 - 2019?

- A. Tăng nhanh và tăng liên tục.
- B. Giảm chậm và giảm không liên tục.
- C. Tăng chậm và tăng không liên tục.
- D. Giảm nhanh và giảm liên tục.

Câu 2: Hình thức tổ chức lãnh thổ nông nghiệp cao nhất là

- A. Vùng nông nghiệp.
- B. Hợp tác xã.
- C. Trang trại.
- D. Hộ gia đình.

Câu 3: Bề mặt Trái Đất luôn có một nửa được Mặt Trời chiếu sáng là ngày và một nửa không được chiếu sáng là đêm, nguyên nhân là do

- A. Trái Đất có dạng hình khối cầu.
- B. trục Trái Đất nghiêng.
- C. Trái Đất chuyển động quanh Mặt Trời.
- D. Trái Đất tự quay quanh trục.

Câu 4: Đặc điểm quan trọng nhất để phân biệt nông nghiệp với công nghiệp là

- A. Sản xuất nông nghiệp có tính mùa vụ.
- B. Ứng dụng nhiều thành tựu của khoa học công nghệ và sản xuất.
- C. Sản xuất nông nghiệp phụ thuộc vào điều kiện tự nhiên.
- D. Đất trồng là tư liệu sản xuất chủ yếu và không thể thay thế.

Câu 5: Nhân tố quyết định nhất tới sự phân bố dân cư là

- A. Lịch sử khai thác lãnh thổ.
- B. Khí hậu, nguồn nước.
- C. Địa hình, đất đai.
- D. Trình độ phát triển của lực lượng sản xuất.

Câu 6: Lớp vỏ chứa vật chất tối xốp nằm ở bề mặt lục địa - nơi tiếp xúc với khí quyển, thạch quyển và sinh quyển được gọi là

A. lớp phủ thực vật.

B. thạch quyển.

C. lớp vỏ phong hoá.

D. lớp phủ thổ nhưỡng.

Câu 7: Giờ quốc tế được lấy theo giờ của

A. Múi giờ số 1

B. Múi giờ số 23

C. Múi giờ số 0

D. Múi giờ số 7

Câu 8: Trong các hệ quả của chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất, có ý nghĩa nhất đối với sự sống là hệ quả

A. Giờ trên Trái đất và đường chuyển ngày quốc tế.

B. Sự lệch hướng chuyển động của các vật thể.

C. Lực côriôlit.

D. Sự luân phiên ngày đêm.

Câu 9: Ở vùng đồi núi, khi thảm thực vật rừng bị phá hủy, vào mùa mưa lượng nước chảy tràn trên mặt đất tăng lên và cường độ mạnh hơn khiến đất bị xói mòn nhanh chóng. Trong tình huống trên, có sự tác động lẫn nhau của các thành phần nào trong lớp vỏ địa lí?

A. Sinh quyển, thủy quyển, thạch quyển.

B. Sinh quyển, thủy quyển, thổ nhưỡng quyển.

C. Sinh quyển, khí quyển, thạch quyển.

D. Khí quyển, sinh quyển, thổ nhưỡng quyển.

Câu 10: Cây lúa gạo thích hợp với điều kiện sinh thái nào sau đây?

A. Khí hậu ẩm, khô, đất màu mỡ.

B. Khí hậu nóng, ẩm, chân ruộng ngập nước, đất phù sa.

C. Khí hậu nóng, đất ẩm, dễ thoát nước.

D. Khí hậu khô, ẩm, đất thoát nước.

Câu 11: Ở nước ta, các loài cây sù, vẹt, đước, bần chỉ phát triển và phân bố trên loại đất nào?

A. Đất chua phèn.

B. Đất phù sa ngọt.

C. Đất ngập mặn.

D. Đất feralit đồi núi.

Câu 12: Một nước có tỉ lệ nhóm tuổi từ 0 - 14 tuổi là dưới 25%, nhóm tuổi trên 60 tuổi trở lên là trên 15% thì được xếp vào nhóm

A. Dân số trung bình.

B. Dân số già.

C. Dân số cao.

D. Dân số trẻ.

Câu 13: Hiện nay trên thế giới, tỉ lệ lao động khu vực III (dịch vụ) cao nhất thuộc về

A. Các nước kém phát triển

B. Các nước phát triển

C. Các nước và lãnh thổ công nghiệp mới

D. Các nước đang phát triển

Câu 14: Để thể hiện các mỏ than trên lãnh thổ nước ta người ta thường dùng phương pháp nào?

A. Kí hiệu.

B. Chấm điểm.

C. Kí hiệu đường chuyển động.

D. Bản đồ - biểu đồ.

Câu 15: Hình thức chăn nuôi nào sau đây là biểu hiện của nền nông nghiệp hiện đại?

A. Chăn nuôi chuồng trại.

B. Chăn nuôi nửa chuồng trại.

C. Chăn nuôi chăn thả.

D. Chăn nuôi công nghiệp.

Câu 16: Động lực phát triển dân số là

- A. tỉ suất sinh thô.
- B. tỉ suất gia tăng cơ học.
- C. tỉ suất gia tăng tự nhiên của dân số.
- D. tỉ suất tử thô.

Câu 17: Phương pháp chấm điểm thường được dùng để thể hiện các đối tượng địa lí có đặc điểm

- A. phân bố ở phạm vi rộng.
- B. phân bố theo các tuyến.
- C. phân bố phân tán, lẻ tẻ.
- D. phân bố tập trung theo điểm.

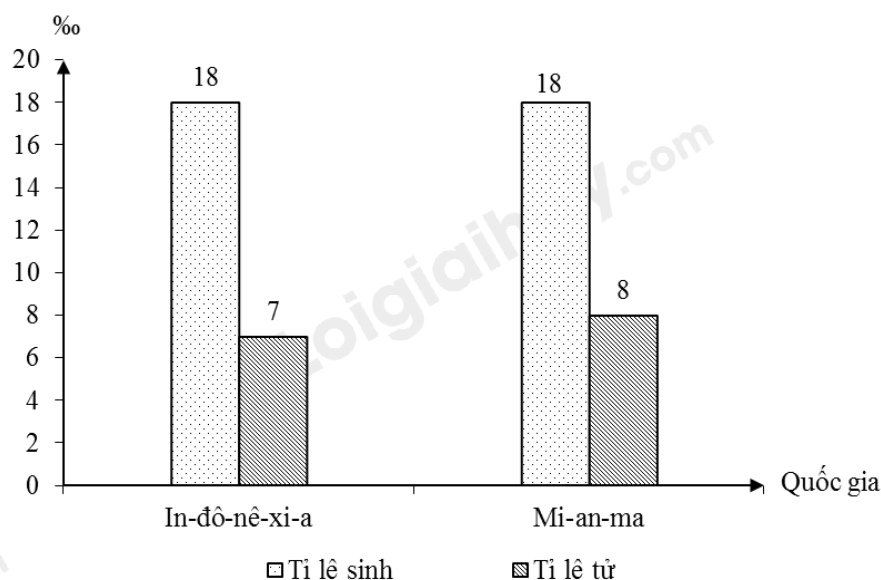
Câu 18: Giới hạn phía trên của sinh quyển là

- A. Nơi tiếp giáp lớp ô dôn của khí quyển (22km).
- B. Đáy lớp vỏ phong hóa.
- C. Đáy đại dương.
- D. Đỉnh của tầng đối lưu.

Câu 19: Một trong những yếu tố quan trọng giúp khí hậu nước ta không khô hạn như các nước ở cùng vĩ độ ở Tây Á, Tây Phi là do chịu tác động của

- A. Gió đất, gió biển
- B. Gió Mậu dịch
- C. Gió mùa
- D. Gió Tây ôn đới

Câu 20: Cho biểu đồ:



TỈ LỆ SINH VÀ TỈ LỆ TỬ CỦA IN-ĐÔ-NÊ-XI-A VÀ MI-AN-MA, NĂM 2018

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về tỉ lệ sinh, tỉ lệ tử và tỉ lệ tăng tự nhiên của In-đô-nê-xi-a và Mi-an-ma, năm 2018

- A. Tỉ lệ sinh và tỉ lệ tử của In-đô-nê-xi-a đều cao hơn Mi-an-ma.
- B. Tỉ lệ sinh và tỉ lệ tử của Mi-an-ma đều cao hơn In-đô-nê-xi-a.
- C. Tỉ lệ gia tăng tự nhiên của In-đô-nê-xi-a cao hơn Mi-an-ma.
- D. In-đô-nê-xi-a có tỉ lệ sinh thấp hơn và tỉ lệ tử cao hơn Mi-an-ma.

Câu 21: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ DÂN SỐ CỦA PHI-LIP-PIN, NĂM 2019

Diện tích (nghìn km ²)	Dân số (triệu người)
300,0	108,1

Căn cứ vào bảng số liệu, mật độ dân số của Phi-lip-pin năm 2019 là

- A. 380 người/km²
- B. 350 người/km²

C. 370 người/km²

D. 360 người/km²

Câu 22: Nhóm tuổi từ 0 - 14 tuổi thường được gọi là nhóm

A. Trên độ tuổi lao động.

B. Độ tuổi chưa thể lao động.

C. Trong độ tuổi lao động.

D. Dưới độ tuổi lao động.

Câu 23: Trên Trái Đất, từ cực Bắc đến cực Nam có bao nhiêu vòng đai nhiệt?

A. 7

B. 6

C. 4

D. 10

Câu 24: Ở các nước đang phát triển, chăn nuôi chiếm tỉ trọng nhỏ vì

A. dịch vụ thú y, giống còn hạn chế

B. cơ sở vật chất còn lạc hậu

C. cơ sở thức ăn không ổn định

D. công nghiệp chế biến chưa phát triển

Câu 25: Tài nguyên rừng của thế giới bị suy giảm nghiêm trọng, chủ yếu là do

A. Thiếu sự chăm sóc và bảo vệ.

B. Tai biến thiên nhiên.

C. Con người khai thác quá mức.

D. Chiến tranh.

Câu 26: Nguồn lực bên trong và nguồn lực bên ngoài

A. Luôn đối nghịch nhau.

B. Luôn đứng độc lập, không có sự hợp tác.

C. Luôn hợp tác, hỗ trợ, bổ sung cho nhau.

D. Chỉ hợp tác với nhau ở một số khía cạnh.

Câu 27: Nguyên nhân tạo nên quy luật địa đới là

A. do sự thay đổi của nhiệt độ, khí áp và độ ẩm không khí theo độ cao.

B. do dạng hình cầu của Trái Đất và bức xạ Mặt Trời.

C. do nguồn năng lượng bên trong Trái Đất.

D. do sự thay đổi của nhiệt độ và độ ẩm theo kinh độ.

Câu 28: Tỉ suất sinh thô là tương quan giữa số trẻ em được sinh ra trong năm so với

A. số trẻ em bị tử vong trong năm.

B. số dân trung bình ở cùng thời điểm.

C. số phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ.

D. số phụ nữ trong cùng thời điểm.

Câu 29: Theo quy định, những người sống ở múi giờ nào chuyển sang một ngày mới đầu tiên trên Trái Đất?

A. Múi giờ số 12

B. Múi giờ số 6

C. Múi giờ số 0

D. Múi giờ số 18

Câu 30: Sự phân bố sinh vật và đất trong tự nhiên chịu ảnh hưởng chủ yếu của nhân tố

A. nguồn nước.

B. khí hậu.

C. địa hình.

D. ánh sáng.

Câu 31: Sự phát triển và phân bố ngành chăn nuôi phụ thuộc chặt chẽ vào

A. cơ sở nguồn thức ăn.

B. kinh nghiệm chăn nuôi.

C. tiến bộ khoa học - kĩ thuật.

D. giống vật nuôi.

Câu 32: Ý nào sau đây **không phải** là vai trò của nông nghiệp?

A. Có vai trò chủ đạo trong nền kinh tế quốc dân.

- B. Tạo nguồn hàng xuất khẩu, thu ngoại tệ.
- C. Cung cấp nguyên liệu cho các ngành công nghiệp.
- D. Cung cấp lương thực, thực phẩm cho con người.

Câu 33: Nguồn lực nào sau đây **không phải** là nguồn lực tự nhiên

- A. Sinh vật.
- B. Đất đai.
- C. Nước.
- D. Nguồn vốn.

Câu 34: Cho bảng số liệu sau:

Cơ cấu GDP của Việt Nam phân theo ngành kinh tế năm 2000 và 2009 (Đơn vị: %)

Năm	2000	2009
Nông - lâm - ngư nghiệp	24,54	20,91
Công nghiệp - xây dựng	36,72	40,24
Dịch vụ	38,74	38,85

Biểu đồ thích hợp nhất thể hiện cơ cấu GDP của nước ta phân theo ngành kinh tế năm 2000 và 2009 là

- A. Biểu đồ cột.
- B. Biểu đồ tròn.
- C. Biểu đồ miền.
- D. Biểu đồ đường.

Câu 35: Thông thường, mức sống của dân cư ngày càng cao thì tỉ suất tử thô

- A. càng cao.
- B. không thay đổi.
- C. càng thấp.
- D. trung bình.

Câu 36: Cho bảng số liệu:

Tỉ lệ dân nông thôn và thành thị của thế giới giai đoạn 1900 - 2015

(Đơn vị: %)

Năm	1900	1950	1990	2015
Thành thị	13,6	29,2	43,0	54,0
Nông thôn	86,4	70,8	57,0	46,0

Biểu đồ thể hiện rõ nhất cơ cấu dân số phân theo thành thị và nông thôn của thế giới giai đoạn 1900 - 2015 là

- A. Biểu đồ đường.
- B. Biểu đồ tròn.
- C. Biểu đồ cột.
- D. Biểu đồ miền.

Câu 37: Sự sắp xếp dân số một cách tự phát hoặc tự giác trên một lãnh thổ nhất định, phù hợp với điều kiện sống và các yêu cầu của xã hội gọi là

- A. mật độ dân số.
- B. phân bố dân cư.
- C. đô thị hóa.
- D. quần cư.

Câu 38: Sinh quyển là

- A. một quyển của Trái Đất, trong đó có toàn bộ sinh vật sinh sống.
- B. nơi sinh sống của thực vật và động vật.
- C. nơi sinh sống của toàn bộ sinh vật.
- D. một quyển của Trái Đất.

Câu 39: Bộ phận cơ bản nhất của cơ cấu nền kinh tế, phản ánh trình độ phân công lao động xã hội và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất là

- A. Cơ cấu lãnh thổ.
- B. Cơ cấu lao động.
- C. Cơ cấu thành phần kinh tế.
- D. Cơ cấu ngành kinh tế.

Câu 40: Nhân tố nào làm cho tỉ suất tử thô trên thế giới giảm?

- A. Phong tục tập quán lạc hậu.
- B. Tiến bộ về mặt y tế và khoa học kĩ thuật.
- C. Chiến tranh gia tăng ở nhiều nước.
- D. Thiên tai ngày càng nhiều.

----- Hết -----



Phần trắc nghiệm

1.A	2.A	3.D	4.D	5.D	6.D	7.C	8.D
9.B	10.B	11.A	12.B	13.D	14.A	15.D	16.C
17.C	18.A	19.C	20.C	21.D	22.B	23.A	24.C
25.C	26.C	27.B	28.A	29.A	30.B	31.A	32.A
33.D	34.B	35.C	36.D	37.B	38.A	39.B	40.B

Câu 1: Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG THỦY SẢN CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2010 - 2019

(Đơn vị: Nghìn tấn)

Năm	2010	2013	2016	2019
Sản lượng	5142,7	6019,7	6870,7	8269,2

Hãy cho biết nhận xét nào sau đây đúng về sản lượng thủy sản của nước ta giai đoạn 2010 - 2019?

- A. Tăng nhanh và tăng liên tục.
- B. Giảm chậm và giảm không liên tục.
- C. Tăng chậm và tăng không liên tục.
- D. Giảm nhanh và giảm liên tục.

Phương pháp

Quan sát và xử lý số liệu, từ đó thấy được sự thay đổi của sản lượng thủy sản

Lời giải

Nhận xét đúng về sản lượng thủy sản của nước ta giai đoạn 2010 – 2019 là tăng nhanh và tăng liên tục.

Đáp án A.

Câu 2: Hình thức tổ chức lãnh thổ nông nghiệp cao nhất là

- A. Vùng nông nghiệp.
- B. Hợp tác xã.
- C. Trang trại.
- D. Hộ gia đình.

Phương pháp

Xác định các hình thức tổ chức lãnh thổ nông nghiệp từ đó chỉ ra hình thức cao nhất.

Lời giải

Hình thức tổ chức lãnh thổ nông nghiệp cao nhất là vùng nông nghiệp

Đáp án A.

Câu 3: Bề mặt Trái Đất luôn có một nửa được Mặt Trời chiếu sáng là ngày và một nửa không được chiếu sáng là đêm, nguyên nhân là do

- A. Trái Đất có dạng hình khối cầu.
- B. trục Trái Đất nghiêng.
- C. Trái Đất chuyển động quanh Mặt Trời.
- D. Trái Đất tự quay quanh trục.

Phương pháp

Xác định nguyên nhân dẫn đến sự luân phiên ngày đêm

Lời giải

Bề mặt Trái Đất luôn có một nửa được Mặt Trời chiếu sáng là ngày và một nửa không được chiếu sáng là đêm, nguyên nhân là do Trái Đất tự quay quanh trục.

Đáp án D.

Câu 4: Đặc điểm quan trọng nhất để phân biệt nông nghiệp với công nghiệp là

- A. Sản xuất nông nghiệp có tính mùa vụ.
- B. Ứng dụng nhiều thành tựu của khoa học công nghệ và sản xuất.
- C. Sản xuất nông nghiệp phụ thuộc vào điều kiện tự nhiên.
- D. Đất trồng là tư liệu sản xuất chủ yếu và không thể thay thế.

Phương pháp

Xác định đặc điểm của sản xuất công nghiệp và nông nghiệp, từ đó chỉ ra sự khác biệt.

Lời giải

Đặc điểm quan trọng nhất để phân biệt nông nghiệp với công nghiệp là đất trồng là tư liệu sản xuất chủ yếu và không thể thay thế.

Đáp án D.

Câu 5: Nhân tố quyết định nhất tới sự phân bố dân cư là

- A. Lịch sử khai thác lãnh thổ.
- B. Khí hậu, nguồn nước.
- C. Địa hình, đất đai.
- D. Trình độ phát triển của lực lượng sản xuất.

Phương pháp

Xác định ý nghĩa các nhân tố quyết định tới sự phân bố dân cư từ đó xác định nhân tố đóng vai trò quyết định.

Lời giải

Nhân tố quyết định nhất tới sự phân bố dân cư là trình độ phát triển của lực lượng sản xuất.

Đáp án D.

Câu 6: Lớp vỏ chứa vật chất tối xốp nằm ở bề mặt lục địa - nơi tiếp xúc với khí quyển, thạch quyển và sinh quyển được gọi là

- A. lớp phủ thực vật.
- B. thạch quyển.
- C. lớp vỏ phong hoá.
- D. lớp phủ thổ nhưỡng.

Phương pháp

Nắm chắc khái niệm các lớp vỏ.

Lời giải

Lớp vỏ chứa vật chất tối xốp nằm ở bề mặt lục địa - nơi tiếp xúc với khí quyển, thạch quyển và sinh quyển được gọi là lớp phủ thổ nhưỡng.

Đáp án D

Câu 7: Giờ quốc tế được lấy theo giờ của

- A. Múi giờ số 1
- B. Múi giờ số 23
- C. Múi giờ số 0
- D. Múi giờ số 7

Phương pháp

Nắm chắc kiến thức giờ và đường chuyển ngày quốc tế

Lời giải

Giờ quốc tế được lấy theo giờ của múi giờ số 0

Đáp án C.

Câu 8: Trong các hệ quả của chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất, có ý nghĩa nhất đối với sự sống là hệ quả

- A. Giờ trên Trái đất và đường chuyển ngày quốc tế.
- B. Sự lệch hướng chuyển động của các vật thể.
- C. Lực côriôlit.
- D. Sự luân phiên ngày đêm.

Phương pháp

Xác định ý nghĩa của từng hệ quả từ đó chỉ ra hệ quả có ý nghĩa nhất

Lời giải

Trong các hệ quả của chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất, có ý nghĩa nhất đối với sự sống là hệ quả sự luân phiên ngày đêm.

Đáp án D.

Câu 9: Ở vùng đồi núi, khi thảm thực vật rừng bị phá hủy, vào mùa mưa lượng nước chảy tràn trên mặt đất tăng lên và cường độ mạnh hơn khiến đất bị xói mòn nhanh chóng. Trong tình huống trên, có sự tác động lẫn nhau của các thành phần nào trong lớp vỏ địa lí?

- A. Sinh quyển, thủy quyển, thạch quyển.
- B. Sinh quyển, thủy quyển, thổ nhưỡng quyển.
- C. Sinh quyển, khí quyển, thạch quyển.
- D. Khí quyển, sinh quyển, thổ nhưỡng quyển.

Phương pháp

Xác định các yếu tố bị ảnh hưởng thuộc quyển nào trong 5 quyển.

Lời giải

Ở vùng đồi núi, khi thảm thực vật rừng bị phá hủy đồng nghĩa với sinh quyển bị phá hủy, vào mùa mưa lượng nước chảy tràn trên mặt đất tăng (nước chảy tràn yếu tố thuộc thủy quyển) và với cường độ mạnh khiến đất bị xói mòn (đất = thổ nhưỡng quyển) nhanh chóng. Trong tình huống trên, sự tác động lẫn nhau diễn ra giữa thủy quyển, sinh quyển và thổ nhưỡng quyển

Đáp án B.

Câu 10: Cây lúa gạo thích hợp với điều kiện sinh thái nào sau đây?

- A. Khí hậu ẩm, khô, đất màu mỡ.
- B. Khí hậu nóng, ẩm, chân ruộng ngập nước, đất phù sa.
- C. Khí hậu nóng, đất ẩm, dễ thoát nước.
- D. Khí hậu khô, ẩm, đất thoát nước.

Phương pháp

Xác định đặc điểm cây lúa từ đó chỉ ra khí hậu thích hợp cho sự sinh trưởng và phát triển của cây lúa gạo.

Lời giải

Cây lúa gạo thích hợp với điều kiện sinh thái khí hậu nóng, ẩm, chân ruộng ngập nước, đất phù sa.

Đáp án B.

Câu 11: Ở nước ta, các loài cây sù, vẹt, đước, bần chỉ phát triển và phân bố trên loại đất nào?

- A. Đất chua phèn.
- B. Đất phù sa ngọt.
- C. Đất ngập mặn.
- D. Đất feralit đồi núi.

Phương pháp

Xác định một số loại đất chủ đạo ở nước ta và sự phân bố thực vật phụ thuộc vào từng loại đất đó.

Lời giải

Ở nước ta, các loài cây sù, vẹt, đước, bần chỉ phát triển và phân bố trên loại đất chua phèn.

Đáp án A.

Câu 12: Một nước có tỉ lệ nhóm tuổi từ 0 - 14 tuổi là dưới 25%, nhóm tuổi trên 60 tuổi trở lên là trên 15% thì được xếp vào nhóm

- A. Dân số trung bình.
- B. Dân số già.
- C. Dân số cao.
- D. Dân số trẻ.

Phương pháp

Xác định cơ cấu dân số theo tuổi

Lời giải

Một nước có tỉ lệ nhóm tuổi từ 0 - 14 tuổi là dưới 25%, nhóm tuổi trên 60 tuổi trở lên là trên 15% thì được xếp vào nhóm dân số già

Đáp án B.

Câu 13: Hiện nay trên thế giới, tỉ lệ lao động khu vực III (dịch vụ) cao nhất thuộc về

- A. Các nước kém phát triển
- B. Các nước phát triển
- C. Các nước và lãnh thổ công nghiệp mới

D. Các nước đang phát triển

Phương pháp

Xác định cơ cấu ngành của các nhóm nước

Lời giải

Hiện nay trên thế giới, tỉ lệ lao động khu vực III (dịch vụ) cao nhất thuộc về các nước đang phát triển

Đáp án D.

Câu 14: Để thể hiện các mỏ than trên lãnh thổ nước ta người ta thường dùng phương pháp nào?

A. Kí hiệu.

B. Chấm điểm.

C. Kí hiệu đường chuyển động.

D. Bản đồ - biểu đồ.

Phương pháp

Xác định các phương pháp biểu hiện đối tượng địa lí trên bản đồ

Lời giải

Phương pháp kí hiệu thường được sử dụng để biểu hiện vị trí của những đối tượng địa lí phân bố theo điểm.

Để thể hiện các mỏ than trên lãnh thổ nước ta người ta thường dùng phương pháp này.

Đáp án A.

Câu 15: Hình thức chăn nuôi nào sau đây là biểu hiện của nền nông nghiệp hiện đại?

A. Chăn nuôi chuồng trại.

B. Chăn nuôi nửa chuồng trại.

C. Chăn nuôi chăn thả.

D. Chăn nuôi công nghiệp.

Phương pháp

Xác định các hình thức chăn nuôi và ý nghĩa của từng hình thức

Lời giải

Hình thức chăn nuôi biểu hiện cho nền nông nghiệp hiện đại là chăn nuôi công nghiệp.

Đáp án D.

Câu 16: Động lực phát triển dân số là

A. tỉ suất sinh thô.

B. tỉ suất gia tăng cơ học.

C. tỉ suất gia tăng tự nhiên của dân số.

D. tỉ suất tử thô.

Phương pháp

Nắm chắc các khái niệm dân số và ý nghĩa của chúng

Lời giải

Tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên là nhân tố quan trọng nhất, có ảnh hưởng quyết định đến biến động dân số của một quốc gia và trên thế giới, vì vậy nó được coi là động lực phát triển dân số

Đáp án C.

Câu 17: Phương pháp chấm điểm thường được dùng để thể hiện các đối tượng địa lí có đặc điểm

A. phân bố ở phạm vi rộng.

B. phân bố theo các tuyến.

C. phân bố phân tán, lẻ tẻ.

D. phân bố tập trung theo điểm.

Phương pháp

Xác định cách dùng của phương pháp chấm điểm trên bản đồ

Lời giải

Phương pháp chấm điểm được sử dụng để biểu hiện các đối tượng địa lí có sự phân bố phân tán trong không gian. Ví dụ: phân bố dân cư, phân bố cơ sở chăn nuôi,...

Đáp án C.

Câu 18: Giới hạn phía trên của sinh quyển là

A. Nơi tiếp giáp lớp ô dôn của khí quyển (22km).

B. Đáy lớp vỏ phong hóa.

C. Đáy đại dương.

D. Đỉnh của tầng đối lưu.

Phương pháp

Xác định giới hạn của sinh quyển

Lời giải

Giới hạn phía trên của sinh quyển là nơi tiếp giáp lớp ô dôn của khí quyển (22km).

Đáp án A.

Câu 19: Một trong những yếu tố quan trọng giúp khí hậu nước ta không khô hạn như các nước ở cùng vĩ độ ở Tây Á, Tây Phi là do chịu tác động của

- A. Gió đất, gió biển
- B. Gió Mậu dịch
- C. Gió mùa
- D. Gió Tây ôn đới

Phương pháp

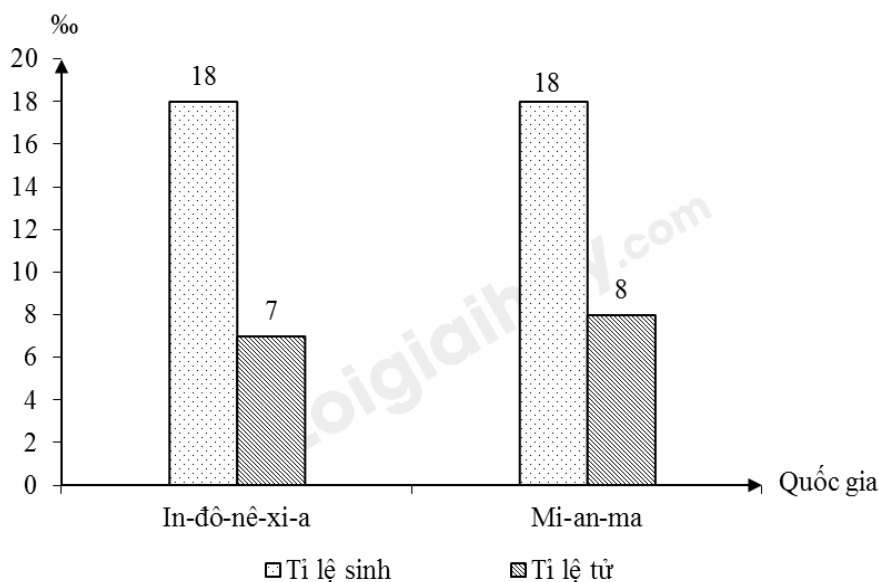
Xác định tính chất và phạm vi hoạt động của các loại gió

Lời giải

Một trong những yếu tố quan trọng giúp khí hậu nước ta không khô hạn như các nước ở cùng vĩ độ ở Tây Á, Tây Phi là do chịu tác động của gió mùa. Vào mùa hạ, gió mùa mùa hạ hoạt động với tính chất nóng ẩm, một trong những nguyên nhân gây mưa cho nước ta

Đáp án C.

Câu 20: Cho biểu đồ:



TỈ LỆ SINH VÀ TỈ LỆ TỬ CỦA IN-ĐÔ-NÊ-XI-A VÀ MI-AN-MA, NĂM 2018

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về tỉ lệ sinh, tỉ lệ tử và tỉ lệ tăng tự nhiên của In-đô-nê-xi-a và Mi-an-ma, năm 2018

- A. Tỉ lệ sinh và tỉ lệ tử của In-đô-nê-xi-a đều cao hơn Mi-an-ma.
- B. Tỉ lệ sinh và tỉ lệ tử của Mi-an-ma đều cao hơn In-đô-nê-xi-a.
- C. Tỉ lệ gia tăng tự nhiên của In-đô-nê-xi-a cao hơn Mi-an-ma.
- D. In-đô-nê-xi-a có tỉ lệ sinh thấp hơn và tỉ lệ tử cao hơn Mi-an-ma.

Phương pháp

So sánh từng nhóm tỉ lệ, chỉ ra sự khác biệt giữa In-đô-nê-xi-a và Mi-an-ma.

Công thức tính tỉ lệ gia tăng tự nhiên: (Tỉ suất sinh – tỉ suất tử)/10

Lời giải

Nhận xét đúng là “Tỉ lệ gia tăng tự nhiên của In-đô-nê-xi-a cao hơn Mi-an-ma.” Bởi Tỉ lệ gia tăng tự nhiên của In-đô-nê-xi-a là 1,1% cao hơn Mi-an-ma là 1%.

Đáp án C.

Câu 21: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ DÂN SỐ CỦA PHI-LIP-PIN, NĂM 2019

Diện tích (nghìn km ²)	Dân số (triệu người)
------------------------------------	----------------------

300,0	108,1
-------	-------

Căn cứ vào bảng số liệu, mật độ dân số của Phi-lip-pin năm 2019 là

- A. 380 người/km²
- B. 350 người/km²
- C. 370 người/km²
- D. 360 người/km²

Phương pháp

Công thức: Dân số chia diện tích

Lời giải

108,1 triệu người = 108,100,000 người

300 nghìn km² = 300,000km²

$$\Rightarrow 108,100,000/300,000 = 360$$

Đáp án D.

Câu 22: Nhóm tuổi từ 0 - 14 tuổi thường được gọi là nhóm

- A. Trên độ tuổi lao động.
- B. Độ tuổi chưa thể lao động.
- C. Trong độ tuổi lao động.
- D. Dưới độ tuổi lao động.

Phương pháp

Xác định cơ cấu tuổi và cơ cấu lao động

Lời giải

Nhóm tuổi từ 0 - 14 tuổi thường được gọi là nhóm dưới độ tuổi lao động

Đáp án D.

Câu 23: Trên Trái Đất, từ cực Bắc đến cực Nam có bao nhiêu vòng đai nhiệt?

- A. 7
- B. 6
- C. 4
- D. 10

Phương pháp

Xác định các vòng đai nhiệt trên Trái Đất

Lời giải

Từ Xích đạo về hai cực gồm 1 vòng đai nóng, hai vòng đai ôn hòa, hai vòng đai lạnh và hai vòng đai băng giá vĩnh cửu.

Đáp án A.

Câu 24: Ở các nước đang phát triển, chăn nuôi chiếm tỉ trọng nhỏ vì

- A. dịch vụ thú y, giống còn hạn chế
- B. cơ sở vật chất còn lạc hậu
- C. cơ sở thức ăn không ổn định
- D. công nghiệp chế biến chưa phát triển

Phương pháp

Xác định tình hình phát triển ngành chăn nuôi ở các nước đang phát triển, từ đó chỉ ra nguyên nhân.

Lời giải

Ở các nước đang phát triển, chăn nuôi chiếm tỉ trọng nhỏ vì cơ sở thức ăn không ổn định

Đáp án C.

Câu 25: Tài nguyên rừng của thế giới bị suy giảm nghiêm trọng, chủ yếu là do

- A. Thiếu sự chăm sóc và bảo vệ.
- B. Tai biến thiên nhiên.
- C. Con người khai thác quá mức.
- D. Chiến tranh.

Phương pháp

Xác định các nguyên nhân khiến tài nguyên rừng suy giảm, từ đó các định nguyên nhân chính, chủ yếu gây ra tình trạng này.

Lời giải

Tài nguyên rừng của thế giới bị suy giảm nghiêm trọng, chủ yếu là do con người khai thác quá mức.

Đáp án C.

Câu 26: Nguồn lực bên trong và nguồn lực bên ngoài

- A. Luôn đối nghịch nhau.
- B. Luôn đứng độc lập, không có sự hợp tác.
- C. Luôn hợp tác, hỗ trợ, bổ sung cho nhau.
- D. Chỉ hợp tác với nhau ở một số khía cạnh.

Phương pháp

Xác định ý nghĩa của các nguồn lực từ đó chỉ ra mối quan hệ giữa nguồn lực bên trong và nguồn lực bên ngoài

Lời giải

Nguồn lực bên trong và nguồn lực bên ngoài luôn hợp tác, hỗ trợ, bổ sung cho nhau.

Đáp án C

Câu 27: Nguyên nhân tạo nên quy luật địa đới là

- A. do sự thay đổi của nhiệt độ, khí áp và độ ẩm không khí theo độ cao.
- B. do dạng hình cầu của Trái Đất và bức xạ Mặt Trời.
- C. do nguồn năng lượng bên trong Trái Đất.
- D. do sự thay đổi của nhiệt độ và độ ẩm theo kinh độ.

Phương pháp

Nắm chắc kiến thức về các qui luật tự nhiên trên Trái Đất

Lời giải

Nguyên nhân tạo nên quy luật địa đới là do dạng hình cầu của Trái Đất và bức xạ Mặt Trời.

Đáp án B.

Câu 28: Tỉ suất sinh thô là tương quan giữa số trẻ em được sinh ra trong năm so với

- A. số trẻ em bị tử vong trong năm.
- B. số dân trung bình ở cùng thời điểm.
- C. số phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ.
- D. số phụ nữ trong cùng thời điểm.

Phương pháp

Nắm chắc khái niệm về tỉ suất sinh thô

Lời giải

Tỉ suất sinh thô là tương quan giữa số trẻ em được sinh ra trong năm so với số trẻ em bị tử vong trong năm.

Đáp án A.

Câu 29: Theo quy định, những người sống ở múi giờ nào chuyển sang một ngày mới đầu tiên trên Trái Đất?

- A. Múi giờ số 12
- B. Múi giờ số 6
- C. Múi giờ số 0
- D. Múi giờ số 18

Phương pháp

Nắm chắc kiến thức về giờ trên Trái Đất và đường chuyển ngày quốc tế

Lời giải

Theo quy định, những người sống ở múi giờ 12 chuyển sang một ngày mới đầu tiên trên Trái Đất

Đáp án A.

Câu 30: Sự phân bố sinh vật và đất trong tự nhiên chịu ảnh hưởng chủ yếu của nhân tố

- A. nguồn nước.
- B. khí hậu.
- C. địa hình.
- D. ánh sáng.

Phương pháp

Xác định các nhân tố ảnh hưởng đến sự phân bố sinh vật và đất trong tự nhiên.

Chú ý từ khóa “ảnh hưởng chủ yếu”.

Lời giải

Sự phân bố sinh vật và đất trong tự nhiên chịu ảnh hưởng chủ yếu của nhân tố khí hậu

Đáp án B.

Câu 31: Sự phát triển và phân bố ngành chăn nuôi phụ thuộc chặt chẽ vào

- A. cơ sở nguồn thức ăn.
- B. kinh nghiệm chăn nuôi.
- C. tiến bộ khoa học - kĩ thuật.
- D. giống vật nuôi.

Phương pháp

Xác định các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố của ngành chăn nuôi.

Chú ý từ khóa “phụ thuộc chặt chẽ”

Lời giải

Sự phát triển và phân bố ngành chăn nuôi phụ thuộc chặt chẽ vào cơ sở nguồn thức ăn

Đáp án A.

Câu 32: Ý nào sau đây **không phải** là vai trò của nông nghiệp?

- A. Có vai trò chủ đạo trong nền kinh tế quốc dân.
- B. Tạo nguồn hàng xuất khẩu, thu ngoại tệ.
- C. Cung cấp nguyên liệu cho các ngành công nghiệp.
- D. Cung cấp lương thực, thực phẩm cho con người.

Phương pháp

Chú ý từ khóa “không phải”

Xác định vai trò của nông nghiệp

Lời giải

“Có vai trò chủ đạo trong nền kinh tế quốc dân” không phải là vai trò của nông nghiệp vì ngành nông nghiệp bởi công nghiệp là ngành sản xuất đóng vai trò chủ đạo trong nền kinh tế quốc dân.

Đáp án A

Câu 33: Nguồn lực nào sau đây **không phải** là nguồn lực tự nhiên

- A. Sinh vật.
- B. Đất đai.
- C. Nước.
- D. Nguồn vốn.

Phương pháp

Xác định các nhân tố thuộc nguồn lực tự nhiên

Lời giải

Nguồn vốn không phải là nguồn lực tự nhiên

Đáp án D.

Câu 34: Cho bảng số liệu sau:

Cơ cấu GDP của Việt Nam phân theo ngành kinh tế năm 2000 và 2009 (Đơn vị: %)

Năm	2000	2009
Nông - lâm - ngư nghiệp	24,54	20,91
Công nghiệp - xây dựng	36,72	40,24
Dịch vụ	38,74	38,85

Biểu đồ thích hợp nhất thể hiện cơ cấu GDP của nước ta phân theo ngành kinh tế năm 2000 và 2009 là

- A. Biểu đồ cột.
- B. Biểu đồ tròn.
- C. Biểu đồ miền.
- D. Biểu đồ đường.

Phương pháp

Chọn biểu đồ phù hợp:

- **Biểu đồ cột:** Phù hợp để so sánh các giá trị của từng ngành qua các năm.
- **Biểu đồ tròn:** Thích hợp để thể hiện cơ cấu (tỉ lệ) của các ngành trong **một năm cụ thể**.
- **Biểu đồ miền:** Thể hiện **xu hướng chuyển dịch cơ cấu** theo thời gian.
- **Biểu đồ đường:** Dùng để thể hiện **sự thay đổi** của các yếu tố liên tục qua nhiều năm.

Lời giải

Vì bài yêu cầu so sánh cơ cấu GDP giữa hai năm **2000** và **2009**, biểu đồ **tròn** là thích hợp nhất, vì: Thể hiện rõ cơ cấu GDP (tỉ trọng từng ngành) của từng năm và so sánh trực quan hai năm dựa trên hai vòng tròn.

Đáp án B.

Câu 35: Thông thường, mức sống của dân cư ngày càng cao thì tỉ suất tử thô

- A. càng cao.
- B. không thay đổi.
- C. càng thấp.
- D. trung bình.

Phương pháp

Tỉ suất tử thô tỉ lệ nghịch với mức sống dân cư

Lời giải

Thông thường, mức sống của dân cư ngày càng cao thì tỉ suất tử thô càng thấp

Đáp án C.

Câu 36: Cho bảng số liệu:

Tỉ lệ dân nông thôn và thành thị của thế giới giai đoạn 1900 - 2015

(Đơn vị: %)

Năm	1900	1950	1990	2015
Thành thị	13,6	29,2	43,0	54,0
Nông thôn	86,4	70,8	57,0	46,0

Biểu đồ thể hiện rõ nhất cơ cấu dân số phân theo thành thị và nông thôn của thế giới giai đoạn 1900 - 2015 là

- A. Biểu đồ đường.
- B. Biểu đồ tròn.
- C. Biểu đồ cột.
- D. Biểu đồ miền.

Phương pháp**Chọn biểu đồ phù hợp:**

- **Biểu đồ đường:** Thích hợp biểu diễn xu hướng thay đổi của một hoặc nhiều yếu tố qua thời gian.
- **Biểu đồ tròn:** Phù hợp thể hiện cơ cấu trong một năm cụ thể.
- **Biểu đồ cột:** Dùng để so sánh giữa các đối tượng theo từng năm.
- **Biểu đồ miền:** Thích hợp thể hiện sự chuyển dịch cơ cấu (biểu diễn cả phần và toàn bộ) theo thời gian.

Lời giải

Biểu đồ **miền** là lựa chọn phù hợp nhất vì: Thể hiện rõ **cơ cấu (tỉ lệ thành thị và nông thôn)** và diễn tả được **xu hướng chuyển dịch** từ nông thôn sang thành thị qua các mốc thời gian.

Đáp án D.

Câu 37: Sự sắp xếp dân số một cách tự phát hoặc tự giác trên một lãnh thổ nhất định, phù hợp với điều kiện sống và các yêu cầu của xã hội gọi là

- A. mật độ dân số.
- B. phân bố dân cư.
- C. đô thị hóa.
- D. quần cư.

Phương pháp

Nắm chắc các khái niệm liên quan đến quần cư

Lời giải

Sự sắp xếp dân số một cách tự phát hoặc tự giác trên một lãnh thổ nhất định, phù hợp với điều kiện sống và các yêu cầu của xã hội gọi là phân bố dân cư.

Đáp án B.

Câu 38: Sinh quyển là

- A. một quyển của Trái Đất, trong đó có toàn bộ sinh vật sinh sống.
- B. nơi sinh sống của thực vật và động vật.
- C. nơi sinh sống của toàn bộ sinh vật.
- D. một quyển của Trái Đất.

Phương pháp

Xác định khái niệm sinh quyển

Lời giải

Sinh quyển là một quyển của Trái Đất, trong đó có toàn bộ sinh vật sinh sống.

Đáp án A.

Câu 39: Bộ phận cơ bản nhất của cơ cấu nền kinh tế, phản ánh trình độ phân công lao động xã hội và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất là

- A. Cơ cấu lãnh thổ.
- B. Cơ cấu lao động.
- C. Cơ cấu thành phần kinh tế.
- D. Cơ cấu ngành kinh tế.

Phương pháp

Xác định khái niệm cơ cấu lao động, cơ cấu nền kinh tế (cơ cấu thành phần kinh tế, cơ cấu ngành kinh tế.)

Lời giải

Bộ phận cơ bản nhất của cơ cấu nền kinh tế, phản ánh trình độ phân công lao động xã hội và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất là cơ cấu lao động

Đáp án B.

Câu 40: Nhân tố nào làm cho tỉ suất tử thô trên thế giới giảm?

- A. Phong tục tập quán lạc hậu.
- B. Tiến bộ về mặt y tế và khoa học kỹ thuật.
- C. Chiến tranh gia tăng ở nhiều nước.
- D. Thiên tai ngày càng nhiều.

Phương pháp

Chú ý từ khóa “tỉ suất tử thô”, “giảm”.

Lời giải

Tiến bộ về mặt y tế và khoa học kỹ thuật khiến tỉ suất tử thô trên thế giới giảm.

Các nhân tố còn lại: phong tục tập quán lạc hậu, chiến tranh gia tăng, thiên tai ngày càng nhiều đe dọa đến tính mạng con người khiến tỉ suất tử thô tăng.

Đáp án B.